

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**  
**Dự án: Quảng trường huyện Hoài Nhơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 642/TTr-STC ngày 14/12/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Tên công trình: Quảng trường huyện Hoài Nhơn.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Hoài Nhơn (nay là UBND thị xã Hoài Nhơn).
- Địa điểm xây dựng: Phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Thời gian khởi công - hoàn thành: Từ ngày 08/01/2019 đến ngày 07/07/2021.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư:

**1. Chi phí đầu tư:**

*Dvt: đồng*

STT	Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Số thẩm tra
	<b>Tổng số</b>	<b>22.532.847.000</b>	<b>20.803.628.000</b>
<b>I</b>	<b>Xây dựng và thiết bị</b>	<b>19.625.103.000</b>	<b>19.346.827.000</b>
1	Xây dựng	18.059.305.000	17.289.944.000

2	Thiết bị	1.565.798.000	1.565.798.000
3	Chi phí đóng điện		22.000.000
4	Hạng mục chung		469.085.000
<b>II</b>	<b>Quản lý dự án</b>	<b>451.916.000</b>	<b>436.293.000</b>
<b>III</b>	<b>Tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>1.153.508.000</b>	<b>798.702.000</b>
1	Lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật	393.745.000	188.573.000
2	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	52.619.000	47.053.000
3	Lập thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	114.628.000	107.871.000
4	Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	80.213.000	25.997.000
5	Giám sát thi công	511.046.000	429.208.000
6	Giám sát trạm biến áp	1.257.000	0
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>1.018.781.000</b>	<b>221.806.000</b>
1	Bảo hiểm công trình	34.714.000	0
2	Hạng mục chung	549.841.000	0
3	Lệ phí thẩm định báo cáo Kinh tế-kỹ thuật	2.722.000	0
4	Lệ phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	3.951.000	0
5	Lệ phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng	19.220.000	11.082.000
6	Lệ phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu thiết bị	2.000.000	0
7	Lệ phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	12.527.000	8.395.000
8	Thí nghiệm trạm biến áp	6.050.000	0
9	Chi phí đóng điện	24.881.000	0
10	Chi phí hotline (Thi công đường dây trung thế có điện)	60.000.000	15.005.000
11	Thẩm định giá thiết bị	5.707.000	5.706.000
12	Kiểm toán quyết toán	218.405.000	143.243.000
13	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	78.763.000	38.375.000
<b>V</b>	<b>Dự phòng chi</b>	<b>283.539.000</b>	<b>0</b>

## 2. Vốn đầu tư:

*Dvt: đồng*

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán	Thực hiện		
			Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán
1	2	3	4	5=3-4	6=4-3
<b>Tổng số</b>	<b>22.532.847.000</b>	<b>20.803.628.000</b>	<b>20.347.579.000</b>	<b>492.217.000</b>	<b>36.168.000</b>
Vốn ngân sách Nhà nước			20.347.579.000		
- Vốn ngân sách tỉnh			12.718.410.000		
- Vốn ngân sách huyện			7.629.169.000		

## 3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

*Dvt: đồng*

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>	<b>20.803.628.000</b>	<b>20.803.628.000</b>		
- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	20.803.628.000	20.803.628.000		
- Tài sản ngắn hạn				

## 4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1 Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2 Chi phí không tạo nên tài sản: không.

## 5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

### Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là: 20.803.628.000 đồng.

*Dvt: đồng*

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Tổng số</b>	<b>20.803.628.000</b>	
1. Đã bố trí (Vốn ngân sách Nhà nước)	20.347.579.000	
- <i>Vốn ngân sách tỉnh</i>	<i>12.718.410.000</i>	
- <i>Vốn ngân sách huyện</i>	<i>7.629.169.000</i>	
2. Vốn còn phải thu hồi	36.168.000	
3. Chưa bố trí	492.217.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến nộp báo cáo quyết toán (12/8/2022) là:  
+ Tổng nợ phải thu: 36.168.000 đồng.

*Dvt: đồng*

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Tổng số</b>	<b>36.168.000</b>	
- Xây dựng	4.320.000	
- Quản lý dự án	15.622.000	
- Tư vấn đầu tư xây dựng (Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu)	16.226.000	

+ Tổng nợ phải trả: 492.217.000 đồng.

*Dvt: đồng*

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Tổng số</b>	<b>492.217.000</b>	
<b>- Tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>276.117.000</b>	
+ Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	47.053.000	
+ Lập thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	32.871.000	
+ Giám sát thi công	196.193.000	
<b>- Chi phí khác</b>	<b>216.100.000</b>	
+ Lệ phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng	11.082.000	
+ Lệ phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	8.395.000	

+ Chi phí hotline (Thi công đường dây trung thế có điện)	15.005.000	
+ Kiểm toán quyết toán	143.243.000	
+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	38.375.000	

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

*Dvt: đồng*

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định
UBND thị xã Hoài Nhơn	20.803.628.000

**Điều 4.** Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh L. H. Giang;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K1.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**